

## BỔ SUNG HAI LOÀI DƠI MỚI CHO KHU HỆ DƠI CỦA VIỆT NAM

VŨ ĐÌNH THỐNG, ĐẶNG HUY HUỲNH

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

LÊ VŨ KHÔI

*Trường đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN*

Trong thành phần loài thú hiện biết của Việt Nam, bộ Dơi (Chiroptera) có thành phần loài đa dạng và phong phú nhất. Tuy nhiên, những loài thú đặc biệt này đã ít được quan tâm nghiên cứu so với những loài thú khác. Trước năm 1994, một số công trình nghiên cứu có ghi nhận về dơi của Việt Nam nhưng không có công trình nào điều tra riêng về những loài thú này. Từ năm 1994 đến nay, có sự hợp tác cũng như sự tài trợ về kinh phí của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, dơi của Việt Nam đã bước đầu được quan tâm nghiên cứu. Trong thời gian vừa qua, chúng tôi đã điều tra dơi ở nhiều khu vực khác nhau, trong đó có vườn quốc gia (VQG) Cúc Phương (tỉnh Ninh Bình) và VQG Xuân Sơn (tỉnh Phú Thọ). Trong số những loài dơi ghi nhận được ở 2 VQG này, có dơi tai đốm vàng *Myotis formosus* và dơi nâu *Eptesicus serotinus*. Đó là hai loài dơi mới cho khu hệ dơi của Việt Nam. Bài báo này trình bày những đặc điểm nhận diện của chúng.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Trên thực địa

Việc thu mẫu dơi được thực hiện theo phương pháp của Kate Barlow [10]. Công cụ thu mẫu chủ yếu là bẫy thụ cầm, vợt cầm tay, các loại lưới mờ có kích cỡ khác nhau (6m × 2,5m; 9m × 2,5m; 12m × 2,5m; 20m × 2,5m).

Mô tả những cá thể thu được về các đặc điểm cần thiết cho định loại theo thứ tự: lông, màng cánh, màng gian đuôi, kích thước, tình trạng sinh lý...

Định loại các cá thể thu được căn cứ vào các tài liệu hiện có [5, 6, 9] theo hệ thống của Corbet và Hill [7]. Mỗi loài giữ lại 1-2 mẫu đại diện, đồng thời những cá thể có đặc điểm lạ

hoặc đặc điểm nghi vấn cũng được giữ lại để xác định tên loài tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

#### 2. Trong phòng thí nghiệm

Tổng hợp, xử lý và thống kê kết quả của các công trình điều tra đã công bố có liên quan đến khu hệ dơi của Việt Nam [1-4; 8; 11-13].

Bổ sung tư liệu qua các kết quả điều tra thực địa, xử lý những mẫu thu được theo quy trình lưu trữ mẫu trong phòng thí nghiệm rồi so sánh chúng với bộ mẫu chuẩn.

Việc phân tích, kiểm định kết quả được thực hiện trong sự trợ giúp của các chuyên gia nước ngoài.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### Đặc điểm nhận diện của hai loài dơi mới cho khu hệ dơi của Việt Nam

##### 1. Dơi tai đốm vàng *Myotis formosus* (Hodgson, 1835)

Syn: *Vespertilio formosa* Hogson, 1835: 700; Nepal. *Kerivoula pallida* Blyth, 1863: 34; Chaibassa, Orissa, India. *Vespertilio auratus* Dobson, 1871b:186; Darjeeling, NE India. *V. dobsoni* Anderson, 1881: 143; Purneah, Bengal, India. *Myotis watasei* Kishida, 1924: 36; Terason, Taiwan.

Dơi tai đốm vàng có kích cỡ trung bình trong giống *Myotis*; chiều dài của cẳng tay: 44,0-49,5mm; chiều dài của đuôi: 35,8-48,5 mm; chiều dài của bàn chân sau: 10,0-11,8 mm; chiều dài của xương chày: 21,0-23,5 mm; chiều dài của tai: 12,5-14,8 mm. Màu lông rất đặc trưng; lông ở mặt lưng màu nâu vàng hoặc nâu sẫm; lông ở mặt bụng màu vàng cam sẫm, phía

cổ màu vàng tranh nhạt. Phần đầu được che phủ bởi lớp lông rậm (trừ hai lỗ mũi, xung quanh mắt và môi). Tai tương đối ngắn, không có lông che phủ, màu vàng cam, phần diềm sẫm màu hơn phần giữa. Đốt mấu tai dài, hẹp và hơi nhọn; cạnh phía trước thẳng, cạnh phía sau cong ở phần ngọn. Đôi cánh rộng và thể hiện màu đặc trưng của loài: đen xen vàng cam. Màu vàng cam trải dài hai bên các ngón tay; màu đen thường có hình tam giác ở giữa các ngón tay. Ở màng cánh của một số cá thể, đốm vàng cũng xuất hiện trong các mảng màu đen. Màng gian đuôi đồng màu vàng cam. Bàn chân sau không mở rộng và có chiều dài thường nhỏ hơn 1/2 xương chày. Màng cánh nối liền với đốt gốc của ngón chân ngoài cùng.

Sọ nhỏ hơn sọ của loài *Myotis sicarius*; chiều dài của đáy sọ trong khoảng 16,0-16,8mm; tuy nhiên, tổng chiều dài của sọ lại lớn hơn so với loài *Myotis sicarius*. Bầu nhĩ

nhỏ, phần mũi phát triển. Hàm trên có khoảng cách c-m<sup>3</sup> trong khoảng: 6,5-7,5 mm; cả hai răng trước hàm pm<sup>2</sup>, pm<sup>3</sup> đều tiêu giảm; răng pm<sup>3</sup> rất nhỏ, đôi khi chúng tiêu giảm. Kích cỡ của răng pm<sup>3</sup> không ổn định giữa các cá thể, kích cỡ tối đa của răng này chỉ bằng khoảng 2/3 răng pm<sup>2</sup>.

Phân bố: Trên thế giới: đã được ghi nhận ở Apganixtan, Trung Quốc (bao gồm cả Đài Loan), Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippin, Indônêxia và Nêpan. Ở Việt Nam: mới chỉ được ghi nhận ở VQG Cúc Phương (tỉnh Ninh Bình) và VQG Xuân Sơn (tỉnh Phú Thọ). Tuy nhiên, đôi tai đốm vàng có thể còn sinh sống ở một số khu vực sinh thái đá vôi khác của nước ta.

Những ghi nhận về đôi tai đốm vàng ở các nước ở độ cao trên 1200 m (ở Nêpan: 1231-2900 m; Ấn Độ: 1692-2308 m). Ở Việt Nam, những sinh cảnh có ghi nhận đôi tai đốm vàng đều ở độ cao dưới 500 m.



Hình 1. *Myotis formosus*



Hình 2. *Eptesicus serotinus*

## 2. Đôi nâu *Eptesicus serotinus* (Schreber, 1774)

Syn: *Vespertilio serotinus* Schreber, 1774: 167; France. *Scotophilus pachyomus* Tomes, 1857: 50; Rajputana, India. *Vesperus andersoni* Dobson, 1871a: 211; Momein, Yunnan, China.

Đôi nâu có kích cỡ lớn trong giống *Eptesicus*. Một đặc điểm dễ nhận diện là đuôi dài; đầu mút của đuôi vượt quá màng gian đuôi khoảng 5mm. Có một diềm lông mềm phủ quanh môi trên. Tai tương đối cao, sẫm màu và có 6 rãnh nằm ngang; cạnh trước tương đối thẳng, cạnh sau hơi cong về phía trước. Đốt mấu

tai cao khoảng 2/3 chiều dài của tai hoặc thấp hơn; cạnh trước thẳng, cạnh sau cong và có khía chữ “V” rất rõ ở phần gốc. Cánh rộng; ngón tay thứ năm ngắn hơn các ngón tay thứ ba và thứ tư. Màng cánh gắn liền với đốt gốc của ngón ngoài của bàn chân sau. Mặt dưới màng cánh có lông che phủ thưa dọc theo cẳng tay. Màng gian đùi và màng cánh đồng màu nâu hoặc đen. Mặt trên của màng gian đùi có lông che phủ ở phần giáp với thân. Lông ở mặt lưng thường có màu nâu sẫm, một số cá thể có các vệt màu vàng ở đầu và lưng hoặc đốm vàng ở ngọn lông. Phần cổ và bụng đồng màu xám. Trên mỗi sợi lông: phần gốc và phần ngọn thường có màu sẫm hơn phần giữa. Chiều dài của cẳng tay: 44,0-56,5 mm; chiều dài của đáy sọ: 18,0-19,5 mm. Một đặc điểm đáng chú ý là đáy sọ khá phẳng, có một số rãnh nối với bầu nhĩ. Khoảng cách c-m<sup>3</sup>: 7,0-8,5 mm; răng I<sup>2</sup> lớn và có mặt trên rộng, có 1 mấu lớn ở phía ngoài; răng pm<sup>4</sup> cao bằng khoảng 1/2 m<sup>1</sup>; hai răng m<sup>1</sup> và m<sup>2</sup> có kích cỡ tương đương nhau; răng m<sup>3</sup> tiêu giảm.

Phân bố: Trên thế giới: đã được ghi nhận ở Ấn Độ, Pakixtan, Nêpan và Apganixtan. Ở Việt nam: mới chỉ được ghi nhận ở VQG Xuân Sơn (tỉnh Phú Thọ).

Những ghi nhận về dơi nâu ở các nước cho thấy loài dơi này sống trong các sinh cảnh ở các độ cao khác nhau từ 462-2338 m (462-2338 m ở Pakixtan; 2246 m ở Ấn Độ; 738 m ở Apganixtan). Ở VQG Xuân Sơn cũng được ghi nhận ở khoảng độ cao đó.

### III. KẾT LUẬN

1. Dơi tai đốm vàng *Myotis formosus* (Hodgson, 1835) và dơi nâu *Eptesicus serotinus* (Schreber, 1774) là hai loài dơi mới cho khu hệ dơi của Việt Nam.

2. Dơi tai đốm vàng mới chỉ được ghi nhận ở hai VQG: Cúc Phương và Xuân Sơn, còn dơi nâu mới chỉ được ghi nhận ở VQG Xuân Sơn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lê Vũ Khôi và cs.**, 2001: Tạp chí Sinh học, 23(1): 11-16.

2. **Cao Văn Sung, Phạm Đức Tiến và Vũ Đình Thống**, 2000: Tuyển tập các công trình nghiên cứu sinh thái và tài nguyên sinh vật: 356-362. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật.
3. **Phạm Đức Tiến và cs.**, 2004: Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống. Báo cáo khoa học hội nghị toàn quốc 2004 định hướng nông lâm nghiệp miền núi: 267-270. Thái Nguyên. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
4. **Vũ Đình Thống và cs.**, 2004: Tạp chí Khoa học, series natural sciences. Đại học Sư phạm Hà Nội: 120-126.
5. **Vũ Đình Thống, Trần Hồng Việt**, 2004: Tạp chí Khoa học, series natural sciences. Đại học Sư phạm Hà Nội: 127-130.
6. **Borissenko A. V. and Kruskop S. V.**, 2003: Bats of Vietnam and Adjacent Territories, an Identification Manual. Zoological Museum of Moscow, Russia.
7. **Corbet G. B. and Hill J. E.**, 1992: The Mammals of the Indo-Malayan Region: A Systematic Review. Oxford University Press, Oxford.
8. **Hutson M., Simon P. Micklebug and Paul A. Racey**, 2001: Microchiropteran Bats. IUCN/SSC Chiroptera Specialist Group, IUCN, Gland, Switzerland and Cambridge, UK.
9. **Ingle N. R. and L. R. Heaney**, 1992: Fieldiana: Zoology, new series, 69 (1440): 1-44.
10. **Kate B.**, 1999: Bats: Expedition Field Techniques. Expedition Advisory Centre, London, UK.
11. **Lekagul B. and J. A. McNeely**, 1977: Mammals of Thailand. Association for the Conservation of Wildlife, Bangkok, Thailand.
12. **Mickeburgh S. P., Hutson A. M. and Racey P. A.**, 2002: Oryx, 36(1): 18-34.
13. **Ronald Nowak**, 1994: Walker's Bats of the World. The Johns Hopkins University Press, Baltimore and London.

## TWO NEW BAT SPECIES FOR VIETNAM

VU DINH THONG, DANG HUY HUYNH, LE VU KHOI

### SUMMARY

This paper basically describes two bat species new to Vietnam, *Myotis formosus* (Hodgson, 1835) and *Eptesicus serotinus* (Schreber, 1774). These species belong to the family Vespertilionidae. *Myotis formosus* is a medium-sized *Myotis* species with forearm length: 44.0-49.5 mm; tail length: 35.8-48.5 mm; hindfoot length: 10.0-11.8 mm; tibia length: 21.0-23.5 mm; ear length: 12.5-14.8 mm. Pelage is distinct with yellow brown or dark brown on the dorsal surface and dark orange on the ventral surface. Ear is relatively short with darker margin. Anti-tragus is long, narrow and relatively pointed with straight anterior edge and convex posterior one. This species has been recorded from Afghanistan, China (Taiwan), Korea, Japan, Philippines, Indonesia, and Nepal. In Vietnam, it was recorded from two national parks: Cucphuong and Xuanson. *Eptesicus serotinus* is characterised by a long tail with the tip exceeds the tail membrane about 5.0 mm. Ears are long and broad with the straight anterior edge and the convex posterior one. Base of the posterior edge is strongly notched. The fifth finger is shorter than the fourth and the third ones. The wing membrane is attached to the base of the outer toe. Dorsal surface of the tail membrane is covered by dark brown or light black hairs. Forearm length: 44.0-56.5 mm;  $m^1$  and  $m^2$  are of equal size; length of  $c-m^3$ : 7.0-8.5 mm. It is noticeable that the skull of the species is relatively flat. This species has been recorded from India, Pakistan, Nepal and Afghanistan. In Vietnam, this species was only recorded from the Xuanson national park.

*Ngày nhận bài: 11-10-2004*